

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 18/1998/TT-BTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 1998

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/1998-NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về
hoạt động xuất khẩu,
nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài**

Để thi hành Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài, Bộ Thương mại hướng dẫn một số vấn đề cụ thể như sau:

I. VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ:

1. Về quyền kinh doanh xuất nhập khẩu:

- Thương nhân là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, thành lập theo quy định của pháp luật, được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá theo ngành nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau khi đã đăng ký mã số tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố theo quy định tại khoản 3, Điều 8, Nghị định 57/1998/NĐ-CP, không phải xin Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu tại Bộ Thương mại. Các Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu Bộ Thương mại đã cấp, hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/1998.
- Đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Về hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu:

- Hàng hoá được xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân, trừ những mặt hàng thuộc Danh mục hàng hoá cấm

xuất khẩu, cấm nhập khẩu và những mặt hàng tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu.

b. Đối với các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (hàng xuất khẩu, nhập khẩu có hạn ngạch, có giấy phép của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành), thương nhân phải được cơ quan có thẩm quyền phân bổ hạn ngạch hoặc cấp giấy phép.

c. Các mặt hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 57/1998/NĐ-CP.

d. Các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện quy định tại Phụ lục 2, Nghị định 57/1998/NĐ-CP, được xuất khẩu, nhập khẩu theo các nguyên tắc điều hành hàng năm của Thủ tướng Chính phủ.

3. Về uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu:

a. Đối với hàng hoá có hạn ngạch và có giấy phép của Bộ Thương mại:

Thương nhân có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 9, Nghị định số 57/1998/NĐ-CP chỉ được uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá có hạn ngạch và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có giấy phép của Bộ Thương mại trong phạm vi số lượng hoặc trị giá ghi tại văn bản phân bổ hạn ngạch của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy phép của Bộ Thương mại.

Thương nhân có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP chỉ được nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá có hạn ngạch và hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có giấy phép của Bộ Thương mại trong phạm vi số lượng hoặc trị giá ghi tại văn bản phân bổ hạn ngạch của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy phép của Bộ Thương mại cấp cho thương nhân uỷ thác; thương nhân nhận uỷ thác không được sử dụng hạn ngạch hoặc giấy phép do Bộ Thương mại cấp cho mình để nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp Bộ Thương mại có quy định riêng về việc uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu một số mặt hàng có hạn ngạch hoặc có giấy phép thì việc uỷ thác được thực hiện theo quy định đó.

b. Đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu có giấy phép của Bộ quản lý chuyên ngành:

Thương nhân có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP được uỷ thác hoặc nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá quản lý chuyên ngành khi bên uỷ thác hoặc bên nhận uỷ thác có văn bản của Bộ quản lý chuyên ngành cho phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá đó.

II. VỀ GIA CÔNG VỚI THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

1. Thương nhân gia công hàng hoá với nước ngoài.

a. Thương nhân Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế, có hoặc không có đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, được gia công hàng hoá với thương nhân nước ngoài; được trực tiếp nhập khẩu, xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, phế phẩm, phế liệu và sản phẩm gia công theo hợp đồng gia công.

b. Đối với doanh nghiệp được thành lập theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động gia công được thực hiện theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các quy định tại các Điều 12, 13, 15, 16, 17, 18 Nghị định 57/1998/NĐ-CP.

2. Về gia công hàng hoá thuộc Danh mục hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu.

a. Thương nhân Việt Nam chỉ được ký hợp đồng gia công hàng hoá thuộc Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Thương mại.

b. Hồ sơ gửi về Bộ Thương mại gồm:

Văn bản đề nghị của thương nhân, trong đó nêu rõ biện pháp quản lý hàng gia công;

Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Về nguyên liệu, phụ liệu, vật tư để thực hiện hợp đồng gia công:

a. Đối với nguyên liệu, phụ liệu, vật tư mua tại Việt Nam:

Nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu chỉ được mua tại Việt Nam để thực hiện hợp đồng gia công khi được Bộ Thương mại cho phép.

Nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc Danh mục hàng hoá xuất khẩu có điều kiện chỉ được mua tại Việt Nam để thực hiện hợp đồng gia công trong phạm vi số lượng hoặc trị giá ghi tại văn bản phân bổ hạn ngạch hoặc Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

b. Đối với nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu:

Nguyên liệu, phụ liệu, vật tư thuộc Danh mục hàng hoá cấm nhập khẩu chỉ được nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công khi được Bộ Thương mại cho phép.